

Bản án số: 89/2018/HS-ST
Ngày 08-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Hùng

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 24/6/1973 tại thành phố H; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T (đã chết) và bà Bùi Thị T; có vợ là Bùi Thị N và 02 con. Tiền án: - Bản án số 49/2003/HSST ngày 14/5/2003 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Q xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); - Bản án số 127/2011/HSST ngày 19/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (ngày 07/9/2018, Phạm Văn T thi hành xong hình phạt bổ sung là 3.000.000 đồng và án phí hình sự sơ thẩm là

50.000 đồng, chưa được xóa án tích). Tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/7/2018. Có mặt.

- *Bị hại*: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1945; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, thành phố H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu nên Phạm Văn T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để sử dụng cho bản thân. Khoảng cuối tháng 8 năm 2017 (không xác định được ngày cụ thể), lợi dụng lúc bà Bùi Thị T (là mẹ đẻ của Phạm Văn T) không có ở nhà, T đi ra phía sau nhà đến khu vực để các dụng cụ làm vườn của gia đình lấy 01 xà beng bằng kim loại dài 2m, đường kính 2,5cm, một đầu dẹt, một đầu nhọn. T cầm xà beng lên phòng ngủ của bà T, cửa phòng không khóa, đến khu vực để két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp, T sử dụng đầu dẹt của xà beng chọc mạnh vào cạnh cánh cửa két sắt và bẩy làm cửa két sắt mở tung, thấy ngăn trên của két không khóa để số tiền 8.000.000 đồng gồm 12 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 10 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, T lấy toàn bộ số tiền trên rồi khép cánh cửa két sắt lại và để xà beng về vị trí cũ, số tiền lấy được T sử dụng ăn tiêu cho bản thân hết. Khoảng 3, 4 ngày sau, bà T phát hiện két sắt trong phòng ngủ của bà bị cạy và bị mất số tiền 8.000.000 đồng. Bà T hỏi T, T đã thừa nhận lấy số tiền trên của bà T. Ngày 09/10/2017, bà T làm đơn trình báo công an xã H. Tiến hành xác định hiện trường, Cơ quan điều tra phát hiện: 01 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp màu xanh, vàng đặt ở vị trí sát tủ và giường ngủ của bà T, két sắt bị cạy phá ở sườn trái có 03 vết trầy xước, phần cánh cửa của két sắt bị bẹp, méo. Ngày 19/10/2017, Cơ quan điều tra công an huyện Thủy Nguyên triệu tập T đến để làm việc, T khai nhận hành vi phạm tội như trên và tự nguyện giao nộp 01 chiếc xà beng bằng kim loại dài 2m, đường kính 2,5cm, một đầu dẹt, một đầu nhọn. Đối với chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp màu xanh, vàng Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T để sử dụng, bà T không yêu cầu T phải bồi thường giá trị két sắt bị hư hỏng và số tiền bị T chiếm đoạt.

Bản Cáo trạng số 94/CT-VKS ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T khai nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, do không có tiền ăn tiêu nên nhân lúc mẹ của bị cáo là bà Bùi Thị T không có ở nhà, bị cáo đã dùng xà beng cạy phá kết sắt trong phòng ngủ của mẹ bị cáo để chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng; số tiền trên là do bố bị cáo trước lúc chết nói để lại cho bị cáo, mẹ bị cáo là người quản lý. Bị cáo có ý định lấy tiền trong kết sắt của mẹ nhưng bị cáo không nói cho mẹ bị cáo biết trước. Bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối hận, bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền trên cho mẹ bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị hại là bà Bùi Thị T khai bị T dùng xà beng cạy phá kết sắt trong phòng ngủ của bà chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng, số tiền trên do chồng bà là ông Phạm Hữu T trước khi chết nói để lại cho T và bà là người quản lý. Bị cáo T đã trả lại toàn bộ số tiền trên cho bà, bà không yêu cầu T phải bồi thường giá trị kết sắt bị hư hỏng, bà đề nghị được trả lại chiếc xà beng để gia đình bà sử dụng. Vợ chồng bà đều tham gia kháng chiến chống Mỹ và được tặng huân huy chương, bà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo T đã có hành vi lén lút dùng xà beng cạy phá kết sắt để chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng của bà Bùi Thị T vào cuối tháng 8 năm 2017. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại 01 chiếc xà beng bằng kim loại dài 2m, đường kính 2,5cm, một đầu dẹt, một đầu nhọn cho bị hại là bà Bùi Thị T sử dụng; về bồi thường thiệt hại đã được giải quyết xong và bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi, quyết định tố tụng của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Về tội danh và điều luật áp dụng:

[3]. Bị cáo T đã có hành vi lợi dụng sơ hở của bị hại, lén lút dùng xà beng cây phá kết sắt của bị hại chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng vào cuối tháng 8 năm 2017. Với hành vi nêu trên, bị cáo T đã phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất vụ án và hình phạt:

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi bị hại phát hiện kết sắt bị cây phá, bị cáo T đã tự thừa nhận hành vi của mình; bị cáo T phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tại phiên tòa bị cáo T và bị hại đều khai bị cáo đã trả lại số tiền chiếm đoạt cho bị hại; bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có cha mẹ được tặng huy chương kháng chiến, kỷ niệm chương. Do đó, cần cho bị cáo T hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Bị cáo T đã hai lần bị kết án, có nhân thân xấu, có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và buộc bị cáo chấp hành tại trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống,

ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[7]. Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[8]. Về bồi thường thiệt hại đã được giải quyết xong, bị hại đã được trả lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về xử lý vật chứng: 01 chiếc xà beng bằng kim loại dài 2m, đường kính 2,5cm, một đầu dẹt, một đầu nhọn là công cụ dùng vào việc phạm tội. Tuy nhiên, xét thấy vẫn còn giá trị sử dụng, bị hại đề nghị được trả lại để gia đình tiếp tục sử dụng và việc trả lại không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự cần trả lại chiếc xà beng trên cho bà Bùi Thị T sử dụng.

[10]. Trong vụ án này, ngoài hành vi phạm tội nêu trên, trong tháng 8 năm 2017, Phạm Văn T còn có hành vi lấy 01 chiếc chiếu yên bằng gỗ lim kích thước 1,8m x 2m để tại nhà kho của gia đình T và 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Samsung 49 inch để tại phòng ngủ của T bán lấy tiền ăn tiêu. Quá trình điều tra xác định chiếc chiếu yên và chiếc ti vi trên là tài sản thuộc sở hữu của T nên Cơ quan điều tra không xử lý. Ngày 09/10/2017, T còn có hành vi dùng kiếm gây thương tích cho chị Bùi Thị N (là vợ T), bà Bùi Thị T (là mẹ T) và bà Vũ Thị T. Bà T, bà T và chị N bị thương tích nhẹ, không đề nghị giám định thương tích, hành vi của T chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện T đã xử phạt hành chính.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào Điều 123 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Văn T để bảo đảm cho việc thi hành án. Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H quản lý, theo dõi bị cáo. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho bà Bùi Thị T 01 xà beng bằng kim loại dài 2m, một đầu dẹt, một đầu nhọn (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và Phiếu nhập kho số NK2018/104 ngày 31/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan điều tra CA H.Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS CA H.Thủy Nguyên;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư Pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhã